

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Bà Hoàng Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị V, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/3/2024, bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị V trình bày: Nguyên đơn và bị đơn ông Trần Văn L c sống với nhau từ năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và báo với chính quyền địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống hoàn toàn tự nguyện. Quá

trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Trần Văn L tính gia trưởng, khi còn trẻ thường xuyên đánh đập nguyên đơn. Sau này ông Trần Văn L ít đánh đập nhưng thường chửi bới, xúc phạm nguyên đơn, đập phá đồ đạc trong gia đình. Nguyên đơn đã cố gắng chịu đựng, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Trần Văn L không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 3 năm 2023 đến nay, nguyên đơn không chung với ông Trần Văn L. Nguyên đơn thấy không thể tiếp tục chịu đựng được và tình nghĩa vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông Trần Văn L. Về con chung: Nguyên đơn và ông Trần Văn L có 04 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1982; Trần Văn S, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1987; Trần Thị N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1989 và Trần Thị N1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1991. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn L thừa nhận thời gian chung sống và việc chung sống không có đăng ký kết hôn như bà Hà Thị V trình bày là đúng. Thời gian chung sống, bị đơn có đánh đập, chửi bới bà Hà Thị V và đập phá đồ đạc trong gia đình do bị đơn nóng tính và bà Hà Thị V có người khác. Đến khoảng tháng 03 năm 2023, do bức xúc, bị đơn có có đập ấm nước nên bà Hà Thị V chuyển ra ngoài sinh sống cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Hiện tại, bị đơn không còn tình nghĩa vợ chồng với bà Hà Thị V nhưng không đồng ý ly hôn. Lý do là bà Hà Thị V tự bỏ đi, bị đơn không đuổi. Về con chung: Bị đơn thống nhất con chung như nguyên đơn trình bày. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương

sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho bà Hà Thị V được ly hôn ông Trần Văn L. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí cho bà Hà Thị V theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Hà Thị V yêu cầu ly hôn ông Trần Văn L có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị V và ông Trần Văn L thống nhất thừa nhận: Bà Hà Thị V và ông Trần Văn Lâm c sống với nhau từ năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là điều không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, bà Hà Thị V và ông Trần Văn Lâm c sống với nhau trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà Hà Thị V yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống, bà Hà Thị V và ông Trần Văn L phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập, chửi bới nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong xây dựng kinh tế và hạnh phúc gia đình, vợ chồng thiếu sự sẻ chia, thông cảm và không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 3 năm 2023 đến nay, bà Hà Thị V và ông Trần Văn L không chung sống với nhau, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Tại phiên toà, bà Hà Thị V giữ

nguyên yêu cầu ly hôn, ông Trần Văn L xác định không còn tình nghĩa vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, bà Hà Thị V và ông Trần Văn L đều xác định không còn tình nghĩa vợ chồng, hiện tại không chung sống với nhau, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại các Điều 18, 19, 20 và 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 85, 89 và 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị V được ly hôn ông Trần Văn L.

[2.2]. Về con chung: Bà Hà Thị V và ông Trần Văn L có 04 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1982; Trần Văn S, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1987; Trần Thị N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1989 và Trần Thị N1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1991. Hiện các con chung đã thành niên, có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[4]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 18, 19, 20, 21, 85,

89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56 và khoản 4 Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hà Thị V được ly hôn ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Bà Hà Thị V và ông Trần Văn L có 04 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1982; Trần Văn S, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1987; Trần Thị N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1989 và Trần Thị N1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1991. Hiện các con chung đã thành niên, có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho bà Hà Thị V.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại